

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan** (*Horticulture and Landscape Design*)

Mã ngành: 762013

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Danh hiệu: Kỹ sư

Đơn vị quản lý: Bộ môn: Sinh lý sinh hóa - Khoa Nông nghiệp & SHƯĐ

1. Mục tiêu đào tạo

- a. Chương trình đào tạo ngành Rau hoa quả và cảnh quan đào tạo những kỹ sư có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có kiến thức về kỹ thuật quản lý rau hoa quả, bảo dưỡng hoa viên, cây cảnh, cảnh quan môi trường và thực hành thiết kế, thi công các công trình cảnh quan...
- b. Sinh viên tốt nghiệp ngành Rau hoa quả và cảnh quan có đủ năng lực để làm việc tại các công ty sản xuất giống cây trồng, dịch vụ khoa học nông nghiệp; các Viện, Trường có liên quan đến lĩnh vực rau hoa quả và cảnh quan; thành lập trang trại hoặc mở công ty kinh doanh rau hoa quả và cây cảnh.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Hiểu biết cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Có kiến thức về thiết kế và bảo dưỡng cảnh quan các loại; Kiến thức về phương pháp nhân giống cây trồng; Kỹ thuật canh tác, chọn giống, bảo vệ thực vật và tồn trữ, bảo quản sau thu hoạch các loại rau, hoa, quả phổ biến.
- b. Có kiến thức về đánh giá mối quan hệ kinh tế - kỹ thuật cơ bản trong tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức, điều hành và quản lý các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ rau, hoa, quả và cảnh quan.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Quản lý được vườn ươm về nhân giống vô tính, hữu tính và sâu bệnh liên quan đến cây con.
- b. Đo đạc và vẽ thiết kế, bố trí cây cảnh trên khu đất, biệt thự, khu dân cư, khu công nghiệp, trục giao thông, công viên, khu nghỉ dưỡng theo yêu cầu xã hội
- c. Áp dụng được các kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh, bảo quản rau hoa quả sau thu hoạch vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các lĩnh vực về rau hoa quả và cảnh quan.
- Tự học, tự nghiên cứu và tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhằm tự nâng cao trình độ và thích nghi với sự phát triển của xã hội.
- Hòa nhập tốt trong cộng đồng hoặc nhóm nhỏ.
- Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.
- Sử dụng các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, Power-point, khai thác và sử dụng Internet.

2.3 Thái độ

- Trung thực.
- Nhiệt tình trong công tác.
- Tận tụy trong công việc.
- Nhẫn nại không ngại khó khăn.
- Năng động và sáng tạo.
- Có tác phong công nghiệp.
- Có ý thức bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Làm việc trong các công ty nhà nước hoặc công ty tư nhân kinh doanh về cơ sở hạ tầng và cảnh quan.
- Có khả năng làm việc trong các công ty sản xuất giống cây trồng, dịch vụ khoa học nông nghiệp.
- Thành lập trang trại hoặc mở công ty kinh doanh rau hoa quả và cây cảnh.
- Có thể làm việc ở các Viện, Trường có liên quan đến lĩnh vực rau hoa quả và cảnh quan.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học khả năng tự học tập, nghiên cứu. Ngoài ra sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học có thể học nâng cao trình độ với ngành khoa học cây trồng, công nghệ rau hoa quả và cảnh quan trong và ngoài nước.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo (nếu có)

Chương trình học này có tham khảo chương trình học trong nước và nước ngoài như:

- Horticulture and Landscape Architecture, College of Agricultural Sciences at Colorado State University
- Trường đại học Nông Lâm TP. HCM, ngành Cảnh quan và nghệ thuật hoa viên
- Trường đại học Nông Lâm Huế, ngành Công nghệ rau hoa quả & cảnh quan

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bổ trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bổ trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bổ trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bổ trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III	
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III	
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III	
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III	
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III	
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL004	I, II, III	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4			60		FL005	I, II, III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15			I, II, III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2				60		I, II, III
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2			30			I, II, III
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3			45		ML009	I, II, III
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			30		ML010	I, II, III
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III	
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III	
25	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II, III	
26	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III	
27	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III	
28	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III	
29	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III	
30	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III	
31	TN059	Toán cao cấp B	3	3			45			I, II, III
32	TN042	Sinh học đại cương	2	2		30			I, II, III	
33	TN043	TT. Sinh học đại cương	1	1			30		I, II, III	
34	TN019	Hóa học đại cương	3	3		45			I, II, III	
35	TN020	TT. Hóa học đại cương	1	1			30		I, II, III	
Cộng: 48 TC (Bắt buộc 33 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
36	NN123	Sinh hóa B	2	2		30			I, II	
37	NN124	TT. Sinh hóa	1	1			30		I, II	
38	NN129	Sinh lý thực vật B	2	2		30			I, II	
39	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	1			30		I, II	
40	NN126	Di truyền học đại cương	2	2		30			I, II	
41	NN127	TT. Di truyền học đại cương	1	1			30		I, II	
42	SP169	Phân loại thực vật B	2	2		20	20		I, II	
43	NN131	Thỏ nhưỡng B	2	2		20	20		I, II	
44	NN438	Côn trùng – HV&CC	2	2		20	20		I, II	
45	NN439	Bệnh cây – HV&CC	2	2		20	20		I, II	
46	NN518	Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh	3	3		30	30		I, II	
47	NN111	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Nông nghiệp	2	2		15	30		I, II	
48	KT005	Quản trị doanh nghiệp đại cương	2	2		30			I, II	
49	NN169	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm-TT&NH	3	3		30	30	TN059	I, II	
50	NN142	Anh văn chuyên môn - HV&CC	2		2	30		XH025	I, II	
51	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN	2			30		XH006	I, II	
52	NN529	Phi nhiều đất B	2		12	20	20		I, II	
53	NN442	Sinh học phân tử cây trồng	2			30			I, II	
54	NS201	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật	2			30			I, II	
55	TN340	Nuôi cấy mô thực vật	2			20	20		I, II	
56	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2			20	20		I, II	
57	NN444	Cỏ dại và cách phòng trừ	2			20	20		I, II	
58	CS111	Vi sinh học đại cương B	2			20	20		I, II	
59	NN516	Sinh thái cảnh quan – HV&CC	1			15			I, II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
60	NS122	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	2			20	20		I, II
61	XH415	Du lịch sinh thái	2			30			I, II
62	CN004	Khí tượng thủy văn	2			20	20		I, II
63	NN515	Mỹ học ứng dụng	2			30			I, II
Cộng: 41 TC (Bắt buộc 27 TC; Tự chọn: 14 TC)									
Khối kiến thức chuyên ngành									
64	NN175	Trắc địa đại cương	2	2		15	30		I, II
65	NS366	Đồ họa ứng dụng trong thiết kế cảnh quan	2	2		20	20		I, II
66	NN521	Phong thủy	2	2		20	20		I, II
67	NN446	Kiến trúc phong cảnh	2	2		20	20		I, II
68	NN453	Nghệ thuật hoa viên	2	2		20	20		I, II
69	NN361	Cây ăn trái	2	2		20	20		I, II
70	NN380	Kỹ thuật sản xuất rau sạch	2	2		20	20		I, II
71	NS384	Công nghệ sau thu hoạch rau hoa quả	2	2		20	20		I, II
72	NN452	Cỏ và cây xanh đô thị	2	2		20	20		I, II
73	NN448	QH, TK & BD cảnh quan đô thị	2	2		20	20		I, II
74	NS367	KT. Nhân giống cây xanh và quản lý vườn ươm	2	2		30			I, II
75	NS368	TT. Nhân giống cây xanh & quản lý vườn ươm	1	1			30		I, II
76	NN565	Thực tập cơ sở - RHQ&CQ	2	2			60		II
77	NN566	Thực tập giáo trình - RHQ&CQ	2	2			60		III
78	NN447	Thiết bị và công cụ làm vườn	2			20	20		I, II
79	NN522	Dinh dưỡng hoa và cây cảnh	2			20	20		I, II
80	NN450	Hệ thống tưới tiêu	2			20	20		I, II
81	NN451	Phương pháp thủy canh	1			10	10		I, II
82	NN473	Quản lý dịch hại rau hoa quả	2			20	20		I, II
83	NN567	Kỹ thuật cắm hoa và trình bày mâm trái cây	2			20	20		I, II
84	TS310	Kỹ thuật nuôi cá cảnh và thủy đặc sản	2		14	30			I, II
85	NN193	Kỹ thuật Bonsai	2			20	20		I, II
86	NN239	Phân bón và khuyến cáo bón phân	1			15			I, II
87	KT360	Quản trị sản xuất	3			45			I, II
88	NS369	Kỹ thuật trồng hoa lan	2			20	20		I, II
89	NN460	Kỹ thuật trang trí nội thất	2			20	20		I, II
90	NN463	Luận văn tốt nghiệp - RHQ&CQ	10				300	≥ 105 TC	I, II
91	NN561	Tiểu luận tốt nghiệp - RHQ&CQ	4				120	≥ 105 TC	I, II
92	NN378	IPM trong bảo vệ thực vật	2			20	20		I, II
93	NN390	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	2			20	20		I, II
94	NN245	Hệ thống thông tin địa lý - GIS	2		10	20	20		I, II
95	NN381	Nấm ăn	2			20	20		I, II
96	NN514	Sản xuất cây trồng sạch	2			20	20		I, II
97	NN401	Xử lý ra hoa	2			20	20		I, II
98	MT308	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2			30			I, II
Cộng: 51 TC (Bắt buộc: 27 TC; Tự chọn: 24 TC)									
Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 87 TC; Tự chọn: 53 TC)									

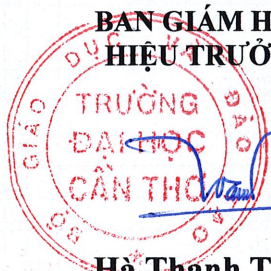
(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH và ĐT
CHỦ TỊCH**

**KHOA NÔNG NGHIỆP & SHƯ
TRƯỞNG KHOA**



Hà Thanh Toàn

Lê Việt Dũng

Lê Văn Hòa